

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐÔNG HẢI
TỈNH BẠC LIÊU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 38/2025/HNGĐ-ST

Ngày 27-3-2025

“V/v tranh chấp ly hôn và cấp dưỡng cho con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐÔNG HẢI, TỈNH BẠC LIÊU**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Đỗ Thị An

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Văn Tâm
2. Ông Nguyễn Văn Tịnh

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Hoàng Kha- Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đông Hải, tỉnh Bạc Liêu.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đông Hải tham gia phiên tòa:
Ông Trần Đăng Khoa - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 3 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đông Hải, tỉnh Bạc Liêu xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 51/2025/TLST–HNGĐ ngày 19 tháng 02 năm 2025 về việc *“tranh chấp ly hôn và cấp dưỡng cho con”*. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 29/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 12 tháng 3 năm 2025 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Trần Trúc L, sinh năm 1981

Địa chỉ: Ấp Hiệp H, xã Tân T, huyện Đầm D, tỉnh Cà Mau

- Bị đơn: Anh Nguyễn Văn T, sinh năm: 1980

Địa chỉ: Ấp Thạnh 2, xã L, huyện ĐH, tỉnh Bạc Liêu

(chị L, anh T có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn chị Trần Trúc L trình bày tại đơn khởi kiện, biên bản hòa giải và tại phiên tòa:

Về hôn nhân: Chị và anh T chung sống với nhau và có đăng ký kết hôn tại UBND xã Tân Thuận, huyện Đầm Dơi ngày 06/01/2013, hôn nhân trên tinh thần tự nguyện, có tổ chức cưới gả theo phong tục, tập quán ở địa phương.

Nguyên nhân ly hôn do vợ chồng bất đồng quan điểm, cãi nhau làm cho cuộc sống trở nên căng thẳng và mâu thuẫn phát sinh, mỗi người sống theo ý của mình, không quan tâm, lo lắng, chăm sóc, giúp đỡ nhau. Chị và anh T đã sống ly thân nhiều năm nay. Nay chị không còn tình cảm với anh T, không còn khả năng hàn gắn mối quan hệ hôn nhân với anh T nên chị yêu cầu được ly hôn.

Về con chung: Vợ chồng chị có một con chung tên Nguyễn Nhã T, sinh ngày 13/9/2014, hiện nay đang sống với chị. Nay ly hôn chị yêu cầu được tiếp tục nuôi con. Về cấp dưỡng, tại đơn khởi kiện chị yêu cầu anh T cấp dưỡng mỗi tháng 2.000.000 đồng, tại biên bản hòa giải và tại phiên tòa chị yêu cầu anh T cấp dưỡng cho con mỗi tháng 1.725.000 đồng.

Về tài sản và nợ: không yêu cầu giải quyết.

Bị đơn anh Nguyễn Văn T trình bày tại phiên hòa giải và phiên tòa như sau:

Anh thống nhất lời trình bày của chị L về điều kiện kết hôn, nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn, con chung và tài sản. Cụ thể: Về hôn nhân: Anh đồng ý ly hôn theo yêu cầu của chị L; Về con: Anh thống nhất theo nguyện vọng của con Nguyễn Nhã T, sinh ngày 13/9/2014. Theo bản ghi lời khai, cháu T có nguyện vọng được tiếp tục sống với mẹ; Về tài sản và nợ: không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

Riêng về cấp dưỡng cho con: Anh không đồng ý cấp dưỡng cho con. Lý do, con có nguyện vọng sống với anh, anh cũng tự nuôi, không yêu cầu chị L cấp dưỡng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đông Hải trình bày quan điểm về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án:

Về thủ tục tố tụng: Thông qua kiểm sát việc giải quyết vụ án từ khi thụ lý vụ án tới thời điểm này thấy rằng Thẩm phán, Thư ký đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án. Tại phiên tòa hôm nay, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm. Nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đúng quy định tại Điều 70, 71, 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 28, 35, 39, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; các Điều 51, 53, 55, 81, 82, 83, 84 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Công nhận sự tự nguyện thuận tình ly hôn giữa chị Trần Trúc L và anh Nguyễn Văn T; Về con chung: giao con chung cho chị L tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng, anh T có quyền và nghĩa vụ thăm nom chăm sóc con chung, không ai được cản trở; về cấp dưỡng: Buộc anh T cấp dưỡng cho con mỗi tháng 1.725.000 đồng đến khi cháu đủ 18 tuổi. Thời gian cấp dưỡng từ ngày tuyên án sơ thẩm; về tài sản chung và nợ chung: không xem xét. Án phí hôn nhân và gia đình, chị L phải chịu theo quy định của pháp luật. Án phí cấp dưỡng: anh T phải chịu theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên, sau khi thảo luận, nghị án; Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Chị Trần Trúc L yêu cầu ly hôn với anh Nguyễn Văn T, anh T cư trú tại ấp Thạnh 2, xã Long Điền, huyện Đông Hải, tỉnh Bạc

Liều nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đông Hải, tỉnh Bạc Liêu theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về hôn nhân: Chị L và anh T tự nguyện chung sống với nhau, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Tân Thuận và được Ủy ban nhân dân xã Tân Thuận cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 06/01/2013 nên hôn nhân hợp pháp và được pháp luật bảo vệ.

Chị L và anh T thống nhất xác định cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc do có nhiều mâu thuẫn không thể hòa giải, anh chị đã sống ly thân nhiều năm nay, không quan tâm, chăm sóc cho nhau. Chị L yêu cầu ly hôn, anh T đồng ý ly hôn với chị L. Do đó, căn cứ Điều 55 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, công nhận sự tự nguyện thuận tình ly hôn giữa chị L và anh T.

[2.2] Về con chung: Chị L, anh T thống nhất có một con chung tên Nguyễn Nhã T, sinh ngày 13/9/2014, hiện nay con đang sống với chị L. Cháu T có nguyện vọng được tiếp tục sống với chị L, chị L, anh T thống nhất theo nguyện vọng của con do đó Hội đồng xét xử ghi nhận sự thống nhất của anh chị, tiếp tục giao cháu T cho chị L chăm sóc, nuôi dưỡng, anh T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được quyền cản trở.

[2.3] Về cấp dưỡng: Chị L yêu cầu anh T cấp dưỡng cho cháu T mỗi tháng 1.725.000 đồng, anh T không đồng ý cấp dưỡng cho cháu T. Hội đồng xét xử nhận thấy:

[2.3.1] Chị L là người trực tiếp nuôi cháu T, có quyền yêu cầu anh T cấp dưỡng cho cháu T theo quy định tại khoản 1 Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình. Anh T là cha của cháu T, không trực tiếp nuôi cháu T sau ly hôn, phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nhằm đáp ứng nhu cầu thiết yếu của cháu T theo quy định tại khoản 2 Điều 82 Luật hôn nhân và gia đình: “2. Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con”.

[2.3.2] Về mức cấp dưỡng: Do các bên không thỏa thuận được mức cấp dưỡng nên căn cứ khoản 1 Điều 116 Luật hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử xác định mức cấp dưỡng cho cháu T. Căn cứ trên mức thu nhập thực tế của anh T, nhu cầu thiết yếu của cháu T và quy định của pháp luật, cụ thể: Anh T xác nhận thu nhập của anh mỗi tháng khoảng 5.000.000 đồng (chạy xe ôm khoảng 150.000 đồng/ngày, cho thuê nhà 500.000 đồng/tháng); Đơn xin xác nhận hoàn cảnh kinh tế ngày 05/3/2025, đại diện địa phương nơi anh T cư trú xác nhận anh T có khả năng cấp dưỡng cho con mỗi tháng 1.750.000 đồng; Chị L xác định tại phiên tòa, tổng chi phí cho việc nuôi dưỡng, học tập của cháu T một tháng khoảng 4.000.000 đồng (tiền thuê xe đến trường 1.800.000 đồng/tháng, ăn uống khoảng 60.000 đồng/ngày); khoản 2 Điều 7 Nghị quyết số 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16 tháng 5 năm 2024 hướng dẫn Luật hôn nhân gia đình: “...Mức cấp dưỡng do Tòa án quyết định nhưng không thấp hơn một nửa tháng lương tối thiểu vùng tại nơi người cấp dưỡng đang cư trú cho mỗi tháng đối với mỗi người con”; mục 4 phần phụ lục Nghị định số 74/2024/NĐ-CP ngày 30 tháng 6 năm 2024 của Chính phủ

về mức lương tối thiểu vùng. Chấp nhận yêu cầu của chị L. Buộc anh T có nghĩa vụ cấp dưỡng cho cháu T mỗi tháng 1.725.000 đồng cho đến khi cháu T tròn 18 tuổi. Thời gian cấp dưỡng tính từ ngày tuyên án ngày 27 tháng 3 năm 2025 theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 2 Luật thi hành án dân sự 2022.

[3] Về tài sản và nợ: Do anh chị không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Xét đề nghị của Kiểm sát viên là có căn cứ, phù hợp quy định của pháp luật nên được chấp nhận.

[5] Chị L tự nguyện chịu án phí hôn nhân và gia đình. Anh T phải chịu án phí cấp dưỡng cho con.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 228, Điều 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; các Điều 51, 53, 55, 81, 82, 83, 84, 116 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16 tháng 5 năm 2024 hướng dẫn áp dụng pháp luật trong hôn nhân gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Công nhận sự tự nguyện thuận tình ly hôn giữa chị Trần Trúc L và anh Nguyễn Văn T.

2. Về con chung: Giao con chung tên Nguyễn Nhã T, sinh ngày 13/9/2014 cho chị L tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng. Anh Nguyễn Văn T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được quyền cản trở.

Về cấp dưỡng: Buộc anh T có nghĩa vụ cấp dưỡng cho cháu Nguyễn Nhã T, sinh ngày 13/9/2014 mỗi tháng 1.725.000 đồng cho đến khi cháu T tròn 18 tuổi. Thời gian cấp dưỡng tính từ ngày tuyên án ngày 27 tháng 3 năm 2025.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Không có.

4. Về án phí: Chị Trần Trúc L tự nguyện chịu án phí Hôn nhân và gia đình 150.000 đồng. Chị L đã nộp tạm ứng án phí số tiền 300.000 đồng theo biên lai thu số 0006511 ngày 12/02/2025 được chuyển thu 150.000 đồng. Hoàn lại cho chị L 150.000 đồng. Anh Nguyễn Văn T phải chịu 300.000 đồng án phí cấp dưỡng cho con. Thu và nộp án phí tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Đông Hải, tỉnh Bạc Liêu khi án có hiệu lực pháp luật.

Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

5. Quyền kháng cáo: Án xử sơ thẩm công khai, chị Trần Trúc L và anh Nguyễn Văn T có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh Bạc Liêu;
- VKSND huyện Đông Hải;
- Chi cục THADS huyện Đông Hải;
- Các đương sự;
- UBND xã Tân Thuận;
- Lưu VP, HSVA

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Đỗ Thị An